DỰ THẢO

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN HÀNG HẢI VIỆT NAM

Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam

ĐIỀU LỆ

Tháng 09 - Năm 2026

ĐIỀU LỆ
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN HÀNG HẢI VIỆT NAM

PHẦN MỞ ĐẦU

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam (MSB) là ngân hàng thương mại cổ phần được thực hiện hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật vì mục tiêu lợi nhuận, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế của Nhà nước. Tổ chức và hoạt động của MSB được thực hiện theo Điều lệ này, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều lệ này đã được Đại hội đồng Cổ đông MSB thông qua theo Nghị quyết số .../NQ-ĐHĐCĐ ngày .../.../...., bao gồm 21 Chương, 87 Điều.

CHƯƠNG I
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ

1. **"MSB"** có nghĩa là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam.
2. **"Thời hạn hoạt động"** có nghĩa là thời gian MSB được tiến hành các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
3. **"Vốn điều lệ"** là tổng mệnh giá cổ phần của MSB đã bán cho cổ đông[1].
4. **"Cổ đông"** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của MSB[2].
5. **"Cổ đông lớn"** là cổ đông sở hữu từ 05% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của MSB, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp[3].
6. **"Sổ đăng ký Cổ đông/ Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán"** là một tài liệu bằng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông của MSB. Sổ đăng ký Cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật[4].
7. **"Cổ phần"** là Vốn điều lệ của MSB được chia thành các phần bằng nhau, mỗi phần có giá trị là 10.000 đồng.
8. **"Cổ phiếu"** là chứng chỉ do MSB phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của MSB. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật[5].
9. **"Cổ tức"** là khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng

---

[1] Khoản 42 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng 2024 đã được sửa đổi, bổ sung (sau đây gọi tắt là Luật CTCTD 2024)
[2] Khoản 3 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 đã được sửa đổi, bổ sung (sau đây gọi tắt là Luật DN 2020)
[3] Khoản 8 Điều 4 Luật CTCTD 2024
[4] Khoản 2 Điều 122 Luật DN 2020.
[5] Khoản 1 Điều 121 Luật DN 2020

tài sản khác.[6]

10. **"Công ty con" của MSB** là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây[7]:
    a) MSB hoặc MSB và người có liên quan của MSB sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty đó;
    b) MSB có quyền bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty đó;
    c) MSB có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó;
    d) MSB hoặc MSB và người có liên quan của MSB trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên của công ty đó.
11. **"Công ty liên kết"** của MSB là công ty mà MSB hoặc MSB và người có liên quan của MSB sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 11% số cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của MSB[8].
12. **"Công ty kiểm soát"** là công ty sở hữu trực tiếp, gián tiếp trên 20% Vốn điều lệ của MSB hoặc nắm quyền kiểm soát MSB (nếu có) hoặc là MSB có công ty con, công ty liên kết[9].
13. **"Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị"** là thành viên Hội đồng Quản trị đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 42 Điều lệ này. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải thông báo với Hội đồng Quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng Quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện này.
14. **"Chữ ký":** là các loại chữ ký được phép sử dụng theo quy định của pháp luật, bao gồm cả chữ ký điện tử.
15. **"Người quản lý"** của MSB bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên khác của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc[10].
16. **"Người điều hành"** của MSB bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh[11].
17. **"Người có liên quan"** là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây[12]:
    a) Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; công ty mẹ với công ty con của công ty con và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; các công ty con của công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của công

[6] Khoản 5 Điều 4 Luật DN 2020
[7] Khoản 9 Điều 4 Luật CTCTD 2024
[8] Khoản 11 Điều 4 Luật CTCTD 2024
[9] Khoản 10 Điều 4 Luật CTCTD 2024
[10] Khoản 26 Điều 4 Luật CTCTD 2024
[11] Khoản 25 Điều 4 Luật CTCTD 2024
[12] Khoản 24 Điều 4 Luật CTCTD 2024

ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;

b) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;

c) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 05% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;

d) Cá nhân với vợ, chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ; anh, chị, em cùng cha khác mẹ; anh, chị, em cùng mẹ khác cha; anh vợ, chị vợ, em vợ, anh chồng, chị chồng, em chồng, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha (sau đây gọi là vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em); ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; bác ruột, cô ruột, dì ruột, chú ruột, cậu ruột và cháu ruột;

e) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với cá nhân có mối quan hệ theo quy định tại điểm d khoản này với người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 05% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;

f) Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp cho tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau;

g) Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xác định theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước thông qua hoạt động thanh tra, giám sát.

18. **"Tổ chức lại"** là việc MSB bị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi hình thức pháp lý.
19. **"NHNN"** là chữ viết tắt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
20. **"TCTD"** là chữ viết tắt của Tổ chức tín dụng.
21. **"Pháp luật"** có nghĩa là hiến pháp, các luật, pháp lệnh, lệnh, nghị định, nghị quyết, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản quy phạm pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ.
22. **"Luật Các tổ chức tín dụng"** có nghĩa là Luật các Tổ chức tín dụng được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18-01-2024 (hoặc/và các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung từng thời kỳ).
23. **"Luật Doanh nghiệp"** có nghĩa là Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17-06-2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH 15 ngày 11/01/2022 (hoặc/và các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung từng thời

kỳ).

24. **"Luật Chứng khoán"** có nghĩa là Luật chứng khoán được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26-11-2019 (hoặc/và các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung từng thời kỳ).
25. **"Việt Nam"** có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Áp dụng dẫn chiếu

1. Trong Điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản pháp luật thay thế của chúng.
2. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II
TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG

Điều 3. Tên, địa chỉ và thời hạn hoạt động

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại số 26/ GP-NHNN ngày 28/5/2026 do NHNN cấp; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần đăng ký lần đầu ngày 01/07/2005 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

1. Tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam;
2. Tên đầy đủ là: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam;
   a) Tên viết tắt bằng tiếng Việt là Ngân hàng Hàng Hải hoặc NHHH.
   b) Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank.
   c) Tên viết tắt bằng tiếng Anh: MSB.
3. Trụ sở chính: Số 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
   a) Điện thoại : 024 - 37718989.
   b) Fax : 024 - 37718899.
   c) Email : msb@msb.com.vn
   d) Website : www.msb.com.vn
4. Người đại diện của MSB[13] bao gồm người đại diện theo pháp luật và người đại diện theo ủy quyền:
   a) Người đại diện theo pháp luật[14] của MSB là Tổng Giám đốc. Người đại diện theo pháp luật của MSB phải cư trú tại Việt Nam. Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam, Người đại diện theo pháp luật phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác là Người quản lý, Người điều hành của MSB đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của MSB. Người đại diện theo pháp luật của MSB có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

[13] Điều 85 Bộ luật Dân sự 2015
[14] Điều 11 Luật CTCTD 2024 và Điều 12 Luật DN 2020

b) MSB phải thông báo cho NHNN về người đại diện theo pháp luật của MSB trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ này hoặc thay đổi người đại diện theo pháp luật[15].

c) Người đại diện theo ủy quyền của MSB do Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc cấp có thẩm quyền khác của MSB chỉ định bằng văn bản phù hợp với quy định của pháp luật và của MSB tại từng thời kỳ. Người đại diện theo ủy quyền của MSB có các quyền và nghĩa vụ nêu cụ thể tại văn bản ủy quyền của MSB. Trường hợp không xác định được cụ thể phạm vi đại diện của Người đại diện theo ủy quyền thì Người đại diện theo pháp luật có quyền xác lập, thực hiện mọi giao dịch dân sự vì lợi ích của MSB, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác[16].

5. Các Chi nhánh: Địa chỉ, tên gọi và một số thông tin về các Chi nhánh, Phòng Giao dịch được đăng tải và cập nhật thường xuyên trên website của MSB, các văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc quyết định của NHNN ban hành sau thời điểm Điều lệ này được thông qua.
6. Con dấu riêng và tài khoản riêng mở tại NHNN, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của NHNN.
7. Bảng cân đối kế toán và các Quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này.
8. Thời hạn hoạt động là 99 năm kể từ ngày được NHNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. MSB có thể được gia hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

CHƯƠNG III
MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Điều 4. Mục tiêu hoạt động

1. Lĩnh vực kinh doanh của MSB là hoạt động kinh doanh tiền tệ, tín dụng và các dịch vụ tài chính, tiền tệ, ngân hàng... được quy định trong Giấy phép thành lập và hoạt động của MSB, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các giấy phép nghiệp vụ cụ thể tuân thủ các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, các quy định hiện hành có liên quan của pháp luật nhằm phục vụ cho các đối tượng khách hàng theo đúng chiến lược kinh doanh đã đề ra.
2. Mục tiêu của MSB là trở thành một trong những ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu tại Việt Nam với chất lượng dịch vụ hoàn hảo dựa trên hệ thống công nghệ hiện đại, lực lượng nhân sự có trình độ chuyên môn cao, phương châm kinh doanh bền vững, an toàn và hiệu quả.

---

[15] Khoản 3 Điều 11 Luật CTCTD 2024

[16] Khoản 2 Điều 141 Bộ luật Dân sự 2015

Điều 5. Nội dung hoạt động[17]

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi.
3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
   a) Cho vay;
   b) Chiết khấu;
   c) Bảo lãnh ngân hàng;
   d) Phát hành thẻ tín dụng;
   e) Bao thanh toán trong nước, bao thanh toán quốc tế;
   f) Thư tín dụng;
   g) Hình thức cấp tín dụng khác sau khi được NHNN chấp thuận.
4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
5. Cung ứng các phương tiện thanh toán.
6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản sau đây:
   a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
   b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
7. Mở tài khoản:
   a) Mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và duy trì số tiền dự trữ bắt buộc trên tài khoản này;
   b) Mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản;
   c) Mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.
8. Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
9. Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
10. Mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và các giấy tờ có giá khác.
11. Dịch vụ môi giới tiền tệ.
12. Phát hành trái phiếu.
13. Vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn.
14. Mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước.
15. Cho vay, vay, gửi tiền, nhận gửi tiền, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
16. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.
17. Vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.

---

[17] Mục 2 Chương V Luật CTCTD 2024. MSB thực hiện các hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác tại Điều này theo Giấy phép hoạt động đã được cấp và/hoặc theo hướng dẫn của NHNN, quy định khác của pháp luật có liên quan và Giấy phép số 26/GP-NHNN.

18. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
19. Đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
20. Kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm về ngoại hối trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định.
21. Kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm phái sinh về lãi suất.
22. Lưu ký chứng khoán.
23. Kinh doanh vàng.
24. Mua nợ.
25. Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ không qua tài khoản.
26. Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng.
27. Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép hoạt động.
28. Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
29. Ví điện tử sau khi được NHNN chấp thuận.
30. Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa sau khi được NHNN chấp thuận.
31. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.
32. Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán sau khi được NHNN chấp thuận.
33. Nghiệp vụ ngân hàng giám sát.
34. Tham gia hệ thống thanh toán quốc tế theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
35. Các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng ngoài các hoạt động quy định tại các khoản nêu trên của Điều này theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Góp vốn, mua cổ phần, chuyển nhượng vốn[18]

1. MSB chỉ được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 7 Điều này và tuân thủ các giới hạn theo quy định của pháp luật để bảo đảm an toàn trong hoạt động góp vốn, mua cổ phần.
2. MSB phải thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết khi thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây:
   a) Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;
   b) Cho thuê tài chính;
   c) Bảo hiểm.

[18] Điều 111 Luật CTCTD 2024 và Điều 6 Nghị định số 135/2025/NĐ-CP về chế độ tài chính đối với TCTD, CNNHNNg và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn NN tại TCTD do NN nắm giữ 100% vốn điều lệ và TCTD có vốn NN

3. MSB được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.
4. MSB được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:
   a) Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;
   b) Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
5. MSB thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
6. Điều kiện, hồ sơ, thủ tục thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết và việc góp vốn, mua cổ phần; điều kiện tăng vốn tại công ty con, công ty liên kết; hoạt động của công ty con, công ty liên kết của MSB trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.
7. MSB, công ty con của MSB được mua, nắm giữ cổ phần của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của NHNN.
8. MSB, công ty con của MSB không được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng sau đây:
   a) Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là Cổ đông của MSB;
   b) Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là người có liên quan của cổ đông lớn của MSB[19].
9. Việc chuyển nhượng và phương án chuyển nhượng phần vốn đã đầu tư ra bên ngoài của MSB theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 7. Bảo đảm an toàn trong hoạt động

Trong quá trình hoạt động, MSB phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn theo quy định tại Chương VII, Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của NHNN; thực hiện phân loại tài sản "Có" và trích lập dự phòng để xử lý các rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IV
VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG

Điều 8. Vốn điều lệ của MSB

1. Vốn điều lệ của MSB là: 31.200.000.000.000[20], bằng chữ: Ba mươi mốt nghìn hai trăm tỷ đồng chẵn. Tổng số vốn điều lệ của MSB được chia thành: 3.120.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

---

[19] Khoản 5 Điều 137 Luật CTCTD 2024

[20] Vốn điều lệ tại Điều lệ này được cập nhật theo Quyết định số 3436/QĐ-NHNN ngày 10/10/2025 của Thống đốc NHNN về việc sửa đổi nội dung vốn điều lệ tại Giấy phép hoạt động của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam.

2. Vốn điều lệ của MSB được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).
3. Trong quá trình hoạt động, MSB phải đảm bảo duy trì giá trị thực của vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật. Khi có sự thay đổi vốn điều lệ, MSB phải công bố công khai mức vốn điều lệ mới[21].

Điều 9. Thay đổi Vốn điều lệ

1. Việc thay đổi Vốn điều lệ của MSB (tăng hoặc giảm) phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận thay đổi vốn điều lệ thực hiện theo quy định của NHNN.
2. Vốn điều lệ của MSB có thể được tăng từ các nguồn sau[22]:
   a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; Quỹ đầu tư phát triển, thặng dư vốn cổ phần; lợi nhuận lũy kế chưa phân phối và các quỹ khác theo quy định của pháp luật;
   b) Phát hành cổ phiếu ra công chúng; phát hành cổ phiếu riêng lẻ;
   c) Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông;
   d) Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.
3. Các trường hợp giảm vốn điều lệ của MSB:
   a) MSB mua lại cổ phần đã bán theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 Điều lệ này.
   b) Các trường hợp khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 10. Bảo đảm an toàn vốn[23]

1. MSB phải duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn sau đây:
   a) Tỷ lệ khả năng chi trả;
   b) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của NHNN trong từng thời kỳ;
   c) Trạng thái ngoại tệ, vàng tối đa so với vốn tự có;
   d) Tỷ lệ mua, nắm giữ, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh;
   e) Tỷ lệ đảm bảo an toàn khác.
2. Khi tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia, MSB phải ký quỹ tiền tại NHNN, nắm giữ số lượng tối thiểu giấy tờ có giá được phép cầm cố theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.
3. Tổng số vốn của MSB đầu tư vào tổ chức tín dụng khác, công ty con của MSB dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần và khoản đầu tư dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán không được tính vào vốn tự có khi tính tỷ lệ bảo đảm an toàn.

CHƯƠNG V
CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU VÀ TRÁI PHIẾU

[21] Điều 28, Điều 37 Luật CTCTD 2024
[22] Khoản 1 Điều 19 Thông tư số 34/2024/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung
[23] Điều 138 Luật CTCTD 2024

Điều 11. Các loại cổ phần[24]

1. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, toàn bộ cổ phần của MSB là cổ phần phổ thông. Tất cả các cổ đông của MSB là cổ đông phổ thông.
2. MSB có thể có cổ phần ưu đãi theo quy định của pháp luật.
3. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
4. MSB luôn bảo đảm duy trì tối thiểu 100 Cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa, trừ trường hợp được kiểm soát đặc biệt và được chuyển giao bắt buộc theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.
5. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được mua cổ phần của MSB theo quy định của pháp luật[25].

Điều 12. Tỷ lệ sở hữu cổ phần[26]

1. Một Cổ đông là cá nhân không được sở hữu cổ phần vượt quá 05% vốn điều lệ của MSB.
2. Một Cổ đông là tổ chức không được sở hữu cổ phần vượt quá 10% vốn điều lệ của MSB.
3. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần vượt quá 15% vốn điều lệ của MSB. Cổ đông lớn của một tổ chức tín dụng và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên của một tổ chức tín dụng khác.
4. Quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này không áp dụng đối với trường hợp sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.
5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này bao gồm cả số cổ phần sở hữu gián tiếp. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại khoản 3 Điều này bao gồm cả cổ phần do cổ đông ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần và không bao gồm sở hữu cổ phần của người có liên quan là công ty con của cổ đông đó theo quy định tại điểm a khoản 10 Điều 1 Điều lệ này.
6. Trường hợp các tổ chức, cá nhân nắm giữ trái phiếu chuyển đổi, sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phải tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần quy định tại Điều này.
7. Kể từ ngày 01/07/2024, Cổ đông, Cổ đông và người có liên quan sở hữu cổ phần vượt tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại Điều này được tiếp tục duy trì cổ phần nhưng không được tăng thêm cổ phần cho đến khi tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều này, trừ trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu[27].

Điều 13. Cổ phiếu[28]

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do MSB phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của MSB.
2. Nội dung cổ phiếu do MSB phát hành (nếu có) và các trường hợp xử lý sai sót, sự cố liên

---

[24] Điều 60 Luật CTCTD 2024

[25] Nghị định số 01/2014/NĐ-CP ngày 03/01/2014 của Chính phủ về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của TCTD Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung

[26] Điều 63 Luật CTCTD 2024

[27] Khoản 11 Điều 210 Luật CTCTD 2024

[28] Điều 121 Luật DN 2020

quan đến cổ phiếu sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 14. Chào bán cổ phần[29]

1. Chào bán cổ phần là việc MSB tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.
2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:
   a) Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;
   b) Chào bán ra công chúng;
   c) Chào bán cổ phần riêng lẻ.
3. Việc chào bán cổ phần được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.
4. MSB thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.
5. Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán.

Điều 15. Chuyển nhượng cổ phần [30]

1. Cổ đông là cá nhân, Cổ đông là tổ chức có người đại diện phần vốn góp tại MSB là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của MSB không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.
   Người đại diện phần vốn góp quy định tại khoản này không bao gồm người đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại MSB.
2. Trong thời gian đang xử lý hậu quả do trách nhiệm cá nhân theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo quyết định của NHNN, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây:
   a) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc là đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;
   b) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;
   c) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc chuyển nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.
3. Trường hợp mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành Cổ đông lớn phải được sự chấp thuận bằng văn bản của NHNN trước khi thực hiện. Cổ đông, người mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của MSB có trách nhiệm phối hợp với MSB thực hiện thủ tục xin chấp thuận đối với nội dung quy định tại khoản này và theo hướng dẫn của MSB tại từng thời kỳ được đăng tải trên website chính thức của MSB [31].

---

[29] Điều 123 Luật DN 2020
[30] Điều 64 Luật CTCTD 2024
[31] Điểm đ, khoản 1, Điều 37 Luật CTCTD 2024

Điều 16. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông[32]

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại MSB hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ MSB có quyền yêu cầu MSB mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu MSB mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến MSB trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng Cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. MSB phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá do Hội đồng Quản trị quyết định trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì Cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. MSB giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để Cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 17. Mua lại cổ phần theo quyết định của MSB[33]

MSB có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Đại hội đồng Cổ đông có quyền quyết định mua lại.
2. Hội đồng Quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu MSB và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.
3. MSB có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong MSB theo trình tự, thủ tục sau đây:
   a) Quyết định mua lại cổ phần của MSB phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của MSB, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông bán cổ phần của họ cho MSB.
   b) Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được MSB trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. MSB chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.
4. Trường hợp MSB mua lại cổ phần của người lao động theo quy chế phát hành cổ phần cho

[32] Điều 132 Luật DN 2020
[33] Điều 133 Luật DN 2020

người lao động của MSB thì thực hiện theo quy định sau đây[34]:

a) Tổng số lượng cổ phần của người lao động đã được MSB mua lại phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất;

b) MSB không phải làm thủ tục giảm vốn điều lệ đối với số cổ phần được MSB mua lại.

Điều 18. Điều kiện mua lại cổ phần của cổ đông[35]

Ngoài các hạn chế khác đối với công ty đại chúng theo quy định của pháp luật có liên quan, MSB chỉ được mua lại cổ phần của Cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số tiền tương ứng với số cổ phần được mua lại mà vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định của ngân hàng thương mại.

Điều 19. Phát hành trái phiếu [36]

MSB có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ MSB.

CHƯƠNG VI
CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 20. Cơ cấu tổ chức quản lý

1. Cơ cấu tổ chức quản lý của MSB bao gồm:
   a) Đại hội đồng Cổ đông;
   b) Hội đồng Quản trị;
   c) Ban Kiểm soát;
   d) Tổng Giám đốc;
2. Hội đồng Quản trị/Tổng Giám đốc phải quy định cụ thể cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy quản lý, điều hành, giúp việc phù hợp với quy định của pháp luật và quy mô hoạt động kinh doanh của MSB trong từng thời kỳ.
3. MSB phải xây dựng cơ chế ủy quyền, phân công trong nội bộ Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc phù hợp với các quy định của pháp luật để đảm bảo việc quản trị, điều hành ngân hàng được an toàn, hiệu quả và thông suốt.
4. Việc quản trị MSB phải tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan và các nguyên tắc sau đây[37]:
   a) Cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả;
   b) Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng Quản trị đối với MSB và Cổ đông;
   c) Bảo đảm quyền của Cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các Cổ đông;
   d) Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong

---

[34] Khoản 6 Điều 36 Luật Chứng khoán 2019

[35] Điều 134 Luật DN 2020; Điều 65 Luật CTCTD 2024

[36] Luật CTCTD 2024 và Luật Chứng khoán 2019

[37] Điều 40, Luật Chứng khoán 2019

việc hỗ trợ hoạt động quản trị MSB;

e) Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị MSB;

f) Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của MSB; bảo đảm Cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.

CHƯƠNG VII
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 21. Sổ đăng ký Cổ đông và xác lập danh sách Cổ đông[38]

1. MSB phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký Cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2. Sổ đăng ký Cổ đông có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của MSB;
   b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
   c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
   d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức;
   e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi Cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký Cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của MSB hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ Sổ đăng ký Cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của Cổ đông trong Sổ đăng ký Cổ đông trong giờ làm việc của tổ chức lưu giữ Sổ đăng ký Cổ đông.
4. Trường hợp Cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với MSB/Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) để cập nhật vào Sổ đăng ký Cổ đông. MSB không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với Cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của Cổ đông.
5. MSB phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong Sổ đăng ký Cổ đông theo yêu cầu của Cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ này.
6. Xác lập danh sách Cổ đông:
   a) MSB quy định cụ thể về thời điểm xác lập danh sách các Cổ đông được hưởng các quyền của Cổ đông và phải đảm bảo Cổ đông có đủ thời gian để đăng ký những thay đổi về bản thân và số cổ phần mà mình sở hữu với MSB trước thời điểm nói trên;
   b) Các giao dịch chuyển nhượng cổ phần phát sinh trong khoảng thời gian từ sau ngày chốt danh sách Cổ đông đến ngày quyền của Cổ đông được thực hiện thì người chuyển nhượng là người được hưởng các quyền của Cổ đông.

[38] Điều 122 và Điều 135 Luật DN 2020

Điều 22. Quyền của Cổ đông[39]

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:[40]
   a) Tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
   b) Nhận cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
   c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong MSB;
   d) Chuyển nhượng cổ phần, quyền mua cổ phần cho Cổ đông khác của MSB hoặc tổ chức, cá nhân khác, bán lại cổ phần cho MSB theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
   e) Xem, tra cứu, trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
   f) Xem, tra cứu, trích lục, sao chụp Điều lệ của MSB, sổ biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
   g) Được chia phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần sở hữu tại MSB khi MSB giải thể hoặc phá sản sau khi MSB đã thanh toán cho các chủ nợ và các Cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
   h) Ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình;
   i) Quyền được đối xử công bằng, bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp MSB có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
   j) Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do MSB công bố theo quy định của pháp luật;
   k) Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ, gây thiệt hại cho MSB, Cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quyết định đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ MSB;
   l) Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ này và theo quy định của pháp luật.
2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông có thêm các quyền sau đây:
   a) Ứng cử, đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát theo tỷ lệ như sau: [41]
      - Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên;
      - Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;

[39] Điều 115 Luật DN 2020; Điều 61 Luật CTCTD 2024; Điều 41 Luật Chứng khoán 2019
[40] Điều 61 Luật CTCTD 2024
[41] Khoản 10 Điều 61 Luật CTCTD 2024 và Điều 115 Luật DN 2020

- Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám ứng cử viên.

Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông ứng cử, đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà cổ đông được quyền đề cử theo Điều lệ này thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát đề cử. Thủ tục đề cử được thực hiện theo Điều 38 Điều lệ này và hướng dẫn của NHNN từng thời kỳ[42].

b) Xem xét, tra cứu và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm và các báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của MSB;

c) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của MSB khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của MSB; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này (nếu có).

3. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền Cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến MSB trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, số và ngày quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính, quốc

[42] Điều 115 Luật DN 2020

tịch của cổ đông;

b) Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân của từng người đại diện theo uỷ quyền;

d) Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền;

e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền và người đại diện theo pháp luật của Cổ đông[43].

Điều 23. Nghĩa vụ của Cổ đông phổ thông MSB[44]

1. Cổ đông của MSB phải thực hiện các nghĩa vụ sau:

a) Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

b) Thanh toán đủ số tiền tương ứng với số cổ phần đã cam kết mua trong thời hạn do MSB quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của MSB trong phạm vi số vốn cổ phần đã góp vào MSB;

c) Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi MSB dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của MSB trừ trường hợp quy định tại các Điều 16, 17 và 18 Điều lệ này. Cổ đông có thể được MSB hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật. Trường hợp có Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong MSB phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của MSB trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;

d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại MSB; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của MSB; không được góp vốn, mua cổ phần của MSB dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;

e) Tuân thủ Điều lệ và quy định nội bộ của MSB;

f) Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị;

g) Chịu trách nhiệm khi nhân danh MSB dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- Vi phạm pháp luật;
- Tiến hành kinh doanh, giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

h) Cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời và chính xác cho MSB theo quy định của pháp luật và yêu cầu của MSB tại từng thời kỳ.

---

[43] Khoản 4 Điều 14 Luật DN 2020

[44] Điều 62 Luật CTCTD 2024; Điều 119 Luật DN 2020

i) Bảo mật các thông tin được MSB cung cấp theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; không được phát tán hoặc sao, gửi thông tin được MSB cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

j) Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của MSB, của các Cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ MSB; có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật[45];

k) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho MSB thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong MSB. MSB có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các Cổ đông nhận ủy thác đầu tư trong trường hợp các Cổ đông này không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác về chủ sở hữu thực sự các cổ phần.[46]

Điều 24. Đại hội đồng Cổ đông[47]

1. Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của MSB. Đại hội đồng Cổ đông hoạt động qua phiên họp thường niên, phiên họp bất thường và lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản.
2. Đại hội đồng Cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng Quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Việc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản.
3. Địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.
4. Đại hội đồng Cổ đông có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:
   a) Thông qua định hướng phát triển của MSB;
   b) Thông qua Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của MSB;
   c) Thông qua quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, quy chế nội bộ về quản trị MSB;
   d) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm; bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của MSB;
   e) Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm

[45] Điều 41 Luật Chứng khoán 2019

[46] Khoản 2 Điều 62 Luật CTCTD 2024

[47] Điều 67 Luật CTCTD 2024, các Điều 138, 140 Luật DN 2020

soát;

f) Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho MSB và Cổ đông của MSB;

g) Quyết định cơ cấu tổ chức, quản lý của MSB;

h) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;

i) Thông qua phương án mua lại cổ phần đã bán;

j) Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;

k) Thông qua phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm;

l) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của MSB;

m) Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

n) Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con của MSB;

o) Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của MSB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của MSB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

p) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của MSB mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của MSB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

q) Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của MSB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa MSB với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cổ đông lớn của MSB, người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cổ đông lớn của MSB; công ty con, công ty liên kết của MSB trừ trường hợp MSB đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc;

r) Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản MSB;

s) Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của MSB;

t) Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định tại Điều 81 Điều lệ này dựa trên danh sách các tổ chức kiểm toán độc lập được Hội đồng Quản trị đệ trình;

u) Thông qua việc xuất toán nợ đã xử lý rủi ro ra khỏi ngoại bảng sau thời gian tối thiểu 05 năm kể từ ngày sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro và sau khi đã thực hiện tất cả các biện pháp để thu hồi nợ nhưng không thu hồi được[48];

v) Thông qua phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm. Định kỳ ít nhất 02 năm một lần, Hội đồng Quản trị thực hiện rà soát phương án; trong trường

[48] Điều 12 Nghị định số 86/2024/NĐ-CP

hợp có cập nhật, điều chỉnh phương án thì Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua; trong trường hợp không cập nhật, điều chỉnh phương án thì Hội đồng Quản trị báo cáo Đại hội đồng Cổ đông.

w) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

5. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
   a) Các hợp đồng, giao dịch khác quy định tại điểm q khoản 4 Điều này khi Cổ đông đó hoặc người có liên quan của Cổ đông đó là một bên của hợp đồng, giao dịch khác;
   b) Việc mua lại cổ phần của Cổ đông đó hoặc của người có liên quan của Cổ đông đó.
6. Tất cả các quyết định và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông.
7. Thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát phải tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.
8. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của MSB có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, MSB phải mời đại diện tổ chức kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan, đại diện tổ chức kiểm toán độc lập nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của MSB[49].

Điều 25. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông[50]

1. Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 24 Điều lệ này và triệu tập họp bất thường Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:
   a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của MSB;
   b) Số thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
   c) Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của MSB;
   d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
   e) Quyết định nội dung theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của MSB;
   f) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn tối thiểu là 90 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 60 ngày nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

---

[49] Khoản 4 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP

[50] Điều 67 Luật CTCTD 2024; Điều 140 Luật DN 2020;

Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông như quy định thì Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với MSB.

3. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Điều lệ này.
   Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông như quy định thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với MSB.
4. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này thì Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Điều lệ này.
   Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.
5. Người triệu tập phải lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng Cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại Điều lệ này.
6. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 của Điều này sẽ được MSB hoàn lại.

Điều 26. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông[51]

1. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký Cổ đông, sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của MSB. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy/thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông.
2. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký Cổ đông của từng Cổ đông.
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách Cổ đông

[51] Điều 141 Luật DN 2020

có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông.

4. Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng để tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông . Thông báo này phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật và thông báo trên website của MSB.

Điều 27. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng Cổ đông[52]

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết, quyết định đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các Cổ đông có quyền dự họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến MSB chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
   a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
   b) Vào thời điểm kiến nghị, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không nắm giữ đủ trên 10% tổng số cổ phần phổ thông;
   c) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
   d) Vấn đề kiến nghị đòi hỏi phải có thời gian chuẩn bị hoặc cần có cơ sở giải quyết mà Đại hội đồng Cổ đông không thể đáp ứng ngay tại phiên họp.
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận.

Điều 28. Mời họp Đại hội đồng Cổ đông[53]

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả Cổ đông có quyền dự họp.

   Thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi cho Cổ đông bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông, hoặc tới địa chỉ do Cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin (riêng đối với các Cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký). Trường hợp Cổ đông đã thông báo cho MSB bằng văn bản về địa chỉ email, thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi tới địa chỉ email đó. Trường hợp Cổ đông là người làm việc trong MSB, thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông có thể đựng trong phong bì dán kín

[52] Điều 142 Luật DN 2020
[53] Điều 143 Luật DN 2020

và gửi trực tiếp tại nơi làm việc.

Đồng thời, thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông được công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán, trên website của MSB. .

2. Thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi chậm nhất 21 ngày trước ngày họp Đại hội đồng Cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).
3. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của MSB; tên, địa chỉ của Cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông; thời gian và địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
4. Kèm theo Thông báo mời họp phải có phiếu biểu quyết, chương trình họp, các tài liệu khác làm cơ sở thông qua nghị quyết, quyết định, dự thảo nghị quyết, quyết định đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Trong trường hợp các tài liệu này không được gửi kèm Thông báo mời họp, MSB phải nêu rõ địa chỉ website để các Cổ đông có thể tiếp cận tài liệu.
5. Ngoài các phương thức trên, Thông báo mời họp có thể gửi đến Cổ đông bằng các phương thức khác (bao gồm cả các phương thức điện tử khác) để bảo đảm Cổ đông nhận được thông tin.

Điều 29. Quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông[54]

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều này.
2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền; Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.
3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
   a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
   b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
   c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
   d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
   e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ này.

Điều 30. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông[55]

1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết, cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải

[54] Điều 144 Luật DN 2020
[55] Điều 145 Luật DN 2020

được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các Cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết, cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ ba phải được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ hai, và trong trường hợp này cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
4. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng Cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 28 Điều lệ này. Việc thay đổi nội dung chương trình họp phải được trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông tham dự cuộc họp đồng ý.

Điều 31. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông[56]

1. Vào ngày tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông, MSB phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt trước giờ dự kiến khai mạc cuộc họp đăng ký hết.
2. Cổ đông đến dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
3. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng Cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Chủ tọa đề cử một hoặc một số người làm thư ký để lập biên bản cuộc họp.
4. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
5. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc.
6. Chủ toạ cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông có thể hoãn họp Đại hội đồng Cổ đông ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại hội đồng Cổ đông nếu nhận thấy rằng:

[56] Điều 146 Luật DN 2020

a) Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức cuộc họp; hoặc

b) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp; hoặc

c) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các Cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày dự định khai mạc cuộc họp. Cuộc họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại cuộc họp bị trì hoãn trước đó.

7. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng Cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
8. Chủ tọa của cuộc họp hoặc Thư ký cuộc họp có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để cuộc họp phản ánh được mong muốn của đa số Cổ đông tham dự.
9. Hội đồng Quản trị có thể yêu cầu các Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng Quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng Quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất Cổ đông hoặc đại diện nói trên ra khỏi cuộc họp.
10. Hội đồng Quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng Quản trị cho là thích hợp để:

a) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;

b) Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp.

Hội đồng Quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng Quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông có thể được tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác hoặc kết hợp hội nghị trực tiếp với trực tuyến để tạo điều kiện cho các Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền vẫn có thể tham dự Đại hội đồng Cổ đông. Cách thức tổ chức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác hoặc kết hợp hội nghị trực tiếp với trực tuyến do Hội đồng Quản trị quyết định phù hợp với quy định của pháp luật và ghi rõ trong Thông báo mời họp.

Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến bao gồm các nội dung sau:

a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến hoặc Đại hội đồng Cổ đông

bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến;

b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến hoặc Đại hội đồng Cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến;

c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến hoặc Đại hội đồng Cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến;

d) Điều kiện tiến hành;

e) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến hoặc Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến;

f) Cách thức bỏ phiếu trực tuyến hoặc kết hợp bỏ phiếu với bỏ phiếu trực tuyến;

g) Cách thức kiểm phiếu trực tuyến hoặc kết hợp kiểm phiếu với kiểm phiếu trực tuyến;

h) Thông báo kết quả kiểm phiếu;

i) Lập Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông;

j) Công bố nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 32. Thể thức biểu quyết thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông

1. Đại hội đồng Cổ đông thông qua nghị quyết, quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.[57]
2. Đại hội đồng Cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, trừ trường hợp bỏ phiếu bằng phương thức điện tử, MSB sẽ cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một Thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền, mã vạch của Cổ đông (nếu có) và số Thẻ biểu quyết của Cổ đông đó cho một vấn đề hoặc nhóm vấn đề cần biểu quyết
4. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi bảo đảm các điều kiện sau đây: [58]
   a) Trừ trường hợp quy định tại các điểm b, c và d khoản này, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua khi được số Cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận;
   b) Đối với quyết định về các nội dung quy định tại các điểm h và p khoản 4 Điều 24 Điều lệ này thì phải được số Cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận;
   c) Đối với quyết định về nội dung quy định tại điểm r khoản 4 Điều 24 Điều lệ này thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;
   d) Đối với các nội dung quy định tại các điểm a, d, f và r khoản 4 Điều 24 Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát phải thực

[57] Điểm a khoản 4 Điều 67 Luật CTCTD 2024; Khoản 1 Điều 147 Luật DN 2020
[58] Khoản 4 Điều 67 Luật CTCTD 2024

hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí thể lệ bầu cử do Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

6. Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành [59].

Điều 33. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông [60]

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của MSB, trừ các trường hợp quy định tại các điểm a, d, f và r khoản 4 Điều 24 Điều lệ này.
2. Hội đồng Quản trị có quyền lựa chọn hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản các phương thức quy định tại các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều này hoặc thông qua hệ thống ứng dụng tự động/phần mềm hoặc kết hợp các phương thức này.
3. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị Phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết, quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết, quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm và/hoặc bằng các phương thức điện tử, phương thức khác để đảm bảo đến được địa chỉ của từng Cổ đông (bao gồm nhưng không giới hạn các phương thức như gửi thư điện tử, tin nhắn, thư giấy) chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại Phiếu lấy ý kiến.
4. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của Cổ đông là tổ chức; Họ, tên, địa chỉ liên lac, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

---

[59] Khoản 6 Điều 148 Luật DN 2020

[60] Điều 149 Luật DN 2020; Điều 67 Luật CTCTD 2024

f) Thời hạn phải gửi về MSB Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị của MSB.

5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến MSB bằng hình thức gửi thư, fax, thư điện tử hoặc các phương thức điện tử khác (nếu được áp dụng theo hướng dẫn từng thời kỳ của MSB) theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về MSB phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

b) Trường hợp gửi fax hoặc email hoặc các phương thức điện tử khác thì Phiếu lấy ý kiến gửi về MSB phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c) Các Phiếu lấy ý kiến gửi về MSB sau thời hạn đã xác định tại nội dung Phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở hoặc đã bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, email, các phương tiện điện tử khác đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý, điều hành của MSB. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c) Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Các quyết định đã được thông qua;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liênđới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Thủ tục kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua hệ thống ứng dụng tự động/ phần mềm do Hội đồng quản trị quyết định cụ thể, đảm bảo nguyên tắc chính xác, khách quan và minh bạch.

8. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu, Biên bản kết quả kiểm phiếu và Nghị quyết phải được gửi đến các Cổ đông hoặc được đăng tải trên website của MSB.

9. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông chấp thuận, trừ quyết định về các nội dung quy định tại các điểm h và p khoản 4 Điều 24

Điều lệ này thì phải được số Cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông chấp thuận [61].

10. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được các Cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản[62].
11. Phiếu lấy ý kiến đã có nội dung trả lời và được gửi qua thư, email, fax, các phương thức điện tử khác (bao gồm cả hệ thống ứng dụng tự động, phần mềm..v.v..), Biên bản kết quả kiểm phiếu, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo Phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của MSB.

Điều 34. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông[63]

1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của MSB và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
   b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông;
   c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
   d) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
   e) Số Cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
   f) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp;
   g) Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
   h) Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.

   Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký Biên bản họp thì Biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký Biên bản họp[64].
2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và biên bản tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.
3. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi đến tất cả Cổ đông trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi Biên bản họp Đại hội đồng Cổ

[61] Khoản 4 Điều 148 Luật DN 2020, Khoản 4 Điều 67 Luật CTCTD 2024
[62] Khoản 6 Điều 148 Luật DN 2020
[63] Điều 150 Luật DN 2020
[64] Khoản 1 Điều 150 Luật DN 2020

đông có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang website của MSB.

4. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị ký tên trong biên bản phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
5. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông, các bản ghi chép, sổ chữ ký của các Cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của MSB.

Điều 35. Hiệu lực nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông

1. Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết đó.[65]
2. Các Nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua Nghị quyết/quyết định đó không được thực hiện đúng như quy định.[66]
3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, MSB phải gửi đến Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông, Ngân hàng Nhà nước tất cả nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.[67] Việc gửi Nghị quyết đến Cổ đông có thể thay thế bằng hình thức đăng tải trên trang thông tin điện tử của MSB.
4. Trường hợp có Cổ đông, nhóm Cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Điều lệ này yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện đối với nghị quyết đã được thông qua thì nghị quyết bị khởi kiện đó vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định hủy bỏ có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.[68]

Điều 36. Yêu cầu hủy bỏ các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông [69]

1. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm Phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ đông, Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên của MSB có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Các trường hợp có quyền yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông:
   a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng Cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật và Điều lệ MSB trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 35 Điều lệ này;
   b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ MSB.

---

[65] Khoản 1 Điều 152 Luật DN 2020
[66] Khoản 2 Điều 152 Luật DN 2020
[67] Điều 68 Luật CTCTD 2024
[68] Khoản 3 Điều 152 Luật DN 2020
[69] Điều 151 Luật DN 2020

CHƯƠNG VIII
QUY ĐỊNH CHUNG VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 37. Nhiệm vụ và quyền hạn chung

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị MSB, có toàn quyền nhân danh MSB để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của MSB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.[70]
2. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.[71]
3. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của MSB, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này.[72]

Điều 38. Thủ tục bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc[73][74]

1. Trước khi tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị MSB phải thông báo cho các Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát; trong đó dự kiến số lượng thành viên độc lập Hội đồng Quản trị; đồng thời thông báo thời hạn gửi danh sách ứng cử viên, các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các Cổ đông ứng cử, đề cử người giữ các chức danh này theo quy định của pháp luật.
2. Trên cơ sở danh sách ứng cử, đề cử của các Cổ đông đối với các chức danh này, Hội đồng Quản trị thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn; lập Danh sách ứng cử viên đối với các chức danh dự kiến bầu và gửi NHNN theo quy định của Pháp luật. Trường hợp các Cổ đông không đề cử, ứng cử đủ số lượng, ứng cử viên đối với thành viên Hội đồng Quản trị (bao gồm cả thành viên độc lập Hội đồng Quản trị), thành viên Ban Kiểm soát hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát đương nhiệm sẽ đề cử ứng cử viên bổ sung, thay thế đối với các chức danh này và công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật[75].
3. Đối với các ứng cử viên không đảm bảo điều kiện theo quy định, Hội đồng Quản trị thông báo cho Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử của ứng cử viên này biết rõ lý do.

---

[70] Khoản 1 Điều 50 Luật CTCTD 2024
[71] Khoản 1 Điều 51 Luật CTCTD 2024
[72] Khoản 2 Điều 55 Luật CTCTD 2024
[73] Điều 44 Luật CTCTD 2024
[74] Người quản lý, người điều hành và chức danh khác của MSB được bầu, bổ nhiệm trước ngày 01/07/2024 mà không đáp ứng quy định tại các Điều 39, 40, 41 và 42 của Điều lệ này được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm (Khoản 8 Điều 210 Luật CTCTD 2024)
[75] Điều 274 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP

4. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, MSB phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu là 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng Cổ đông trên website của MSB để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của MSB nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát được công bố tối thiểu bao gồm:
   a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
   b) Trình độ chuyên môn;
   c) Quá trình công tác;
   d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của công ty khác);
   e) Lợi ích liên quan tới MSB và các bên có liên quan của MSB;
   f) Các thông tin khác (nếu có).

   MSB phải đảm bảo Cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới MSB của ứng viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát (nếu có).
5. Danh sách dự kiến những người được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu các chức danh này. Những người được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát phải thuộc danh sách đã được NHNN chấp thuận. MSB có thể lập danh sách ứng cử, đề cử và tiến hành bầu riêng thành viên độc lập Hội đồng Quản trị. Trong trường hợp này, việc bầu thành viên độc lập Hội đồng Quản trị được tiến hành như việc bầu các thành viên Hội đồng Quản trị khác.
6. Trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng Cổ đông bầu các thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban kiểm soát, MSB phải có văn bản thông báo cho NHNN danh sách người được bầu vào chức danh nêu trên.[76]
7. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc với nhiệm kỳ không quá 05 năm. Người dự kiến được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi bổ nhiệm. Hội đồng Quản trị phải có văn bản thông báo cho NHNN người được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày bổ nhiệm.[77]

Điều 39. Những người không được tham gia quản trị, kiểm soát và không được giữ chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và chức danh tương đương[78]

1. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc:

---

[76] Điều 44 Luật CTCTD 2024
[77] Khoản 1 Điều 55, Điều 44 Luật CTCTD 2024
[78] Điều 42 Luật CTCTD 2024 và Điều 17 Luật DN 2020

a) Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;

c) Người đã bị kết án về các tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;

d) Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích;

e) Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại MSB hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng theo yêu cầu nhiệm vụ;

f) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại MSB;

g) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ;

h) Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng Quản trị, Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên, Trưởng ban, thành viên khác của Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 Luật Các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;

i) Người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc của MSB, trừ trường hợp cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng Quản trị nhưng không được vượt quá 02 thành viên Hội đồng Quản trị của MSB, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc;

j) Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái

phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng;

k) Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

l) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này (nếu có).

2. Người có chức vụ, quyền hạn trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước[79] không được giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành của MSB, công ty con của MSB kể từ ngày thôi giữ chức vụ theo quyết định, chấp thuận của cấp có thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước trừ trường hợp được chỉ định, điều động, bổ nhiệm làm đại diện vốn Nhà nước tại MSB; tham gia quản trị, kiểm soát, điều hành MSB trong trường hợp MSB yếu kém, bị kiểm soát đặc biệt theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Danh mục các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của NHNN và thời hạn hạn chế được xác định theo quy định của Pháp luật tại từng thời kỳ[80].

3. Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc người phụ trách tài chính của MSB.[81]

Điều 40. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ [82]

1. Thành viên không phải là thành viên độc lập Hội đồng Quản trị của MSB không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
   a) Người điều hành của MSB, trừ trường hợp là Tổng Giám đốc của MSB;
   b) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của MSB hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;
   c) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.
2. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị của MSB không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
   a) Người điều hành của MSB ;
   b) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;
   c) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị của MSB không được đồng thời là người điều hành, thành viên

---

[79] là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do tuyển dụng, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó tại Ngân hàng Nhà nước, bao gồm: Cán bộ, công chức, viên chức; Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Người giữ chức danh, chức vụ quản lý trong doanh nghiệp, tổ chức; Những người khác được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ và có quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó.

[80] Thông tư số 20/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 và các văn bản sửa đổi, bổ sung từng thời kỳ.

[81] Khoản 3 Điều 42 Luật CTCTD 2024

[82] Điều 43 Luật CTCTD 2024

Ban Kiểm soát của MSB và của tổ chức tín dụng khác, người quản lý của doanh nghiệp khác.

4. Thành viên Ban Kiểm soát của MSB không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành, nhân viên của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt:
   a) Người quản lý, người điều hành của MSB, tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác; nhân viên của MSB hoặc công ty con của MSB;
   b) Nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng Quản trị của MSB là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.
5. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của MSB không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác, trừ trường hợp Phó Tổng Giám đốc của MSB là người quản lý, người điều hành công ty con của MSB.

Điều 41. Tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu, bổ nhiệm[83]

1. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị:
   a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 39 Điều lệ này;
   b) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
   c) Có trình độ từ đại học trở lên;
   d) Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với ngân hàng thương mại; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
   e) Đối với thành viên độc lập Hội đồng Quản trị: ngoài những tiêu chuẩn và điều kiện nêu tại các điểm a, b, c và d khoản này, phải đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 42 Điều lệ này.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Ban Kiểm soát:
   a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 39 Điều lệ này;
   b) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
   c) Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;
   d) Có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
   e) Không phải là người có liên quan của Người quản lý của MSB;

[83] Điều 41 Luật CTCTD 2024

f) Trưởng Ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng Giám đốc:
   a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 39 Điều lệ này;
   b) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
   c) Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;
   d) Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 05 năm là người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với ngân hàng thương mại và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
   e) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
4. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Tổng Giám đốc (Giám đốc) công ty con của MSB:
   a) Đối với chức danh Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Tổng Giám đốc (Giám đốc) công ty con của MSB thì phải là người không thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f khoản 1 và khoản 2 Điều 39 Điều lệ này;
   b) Đối với chức danh Phó Tổng Giám đốc thì phải là người không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1và khoản 2 Điều 39 Điều lệ này;
   c) Có một trong các điều kiện sau đây: có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán hoặc ngành khác thuộc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; có trình độ từ đại học trở lên về ngành khác và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;
   d) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;
   e) Riêng đối với chức danh Kế toán trưởng còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về kế toán và không phải là vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc của MSB và vợ, chồng của những người này.

Điều 42. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị[84]

1. Không phải là người đang làm việc cho MSB hoặc công ty con của MSB hoặc đã làm việc cho MSB hoặc công ty con của MSB trong 03 năm liền kề trước đó.
2. Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của MSB ngoài những khoản thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng.
3. Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là Cổ đông lớn của MSB, Người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của MSB

[84] Khoản 2 Điều 41 Luật CTCTD 2024

hoặc công ty con của MSB.

4. Không đại diện sở hữu cổ phần của MSB; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của MSB.
5. Không phải là Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của MSB tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.

Điều 43. Những trường hợp đương nhiên mất tư cách[85]

1. Những trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc của MSB:
   a) Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định của pháp luật và quy định tại Điều 39 Điều lệ này;
   b) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là Cổ đông của MSB khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;
   c) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức;
   d) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
   e) Khi MSB bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
   f) Khi hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực;
   g) Chết.
2. Hội đồng Quản trị của MSB phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc nhân sự đương nhiên mất tư cách theo quy định tại các điểm a, b, c, d, f và g khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhân sự đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.
3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của MSB vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
4. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này, các thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng Quản trị để bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành. Trường hợp các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị không đủ số thành viên tối thiểu thì thực hiện việc bầu bổ sung thành viên, bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều lệ này và các quy định Pháp luật có liên quan.
5. Trong trường hợp Trưởng Ban kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này, các thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban Kiểm soát để bầu một người trong số các thành viên giữ chức Trưởng Ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành. Trường hợp các thành viên còn lại của Ban Kiểm soát không đủ số thành viên tối thiểu thì thực hiện việc bầu bổ sung thành viên, bầu Trưởng Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này và các quy định Pháp luật có liên quan.

[85] Điều 45 Luật CTCTD 2024

Điều 44. Miễn nhiệm, bãi nhiệm[86]

1. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Điều 43 Điều lệ này, Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và thành viên khác của Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của MSB bị bãi nhiệm, miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau: [87]
   a) Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của MSB;
   b) Bãi nhiệm khi không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
   c) Bãi nhiệm khi không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 Điều lệ này;
   d) Bãi nhiệm khi thành viên độc lập Hội đồng Quản trị không đáp ứng quy định tại Điều 42 và Khoản 2 Điều 40 và Khoản 1 Điều 41 Điều lệ này ;
   e) Trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác do pháp luật quy định (nếu có).
2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng Quản trị; Trưởng ban, thành viên khác của Ban Kiểm soát; Tổng Giám đốc của MSB vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.[88]
3. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các nhân sự theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng Quản trị của MSB phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN.[89]
4. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều này, các thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng Quản trị để bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành. Trường hợp các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị không đủ số thành viên tối thiểu thì thực hiện việc bầu bổ sung thành viên, bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều lệ này và các quy định Pháp luật có liên quan.
5. Trong trường hợp Trưởng Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều này, các thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban Kiểm soát để bầu một người trong số các thành viên giữ chức Trưởng Ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành. Trường hợp các thành viên còn lại của Ban Kiểm soát không đủ số thành viên tối thiểu thì thực hiện việc bầu bổ sung thành viên, bầu Trưởng Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này và các quy định Pháp luật có liên quan.

Điều 45. Xử lý trong trường hợp bị khuyết Tổng Giám đốc

Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày Tổng Giám đốc bị khuyết vì lý do đương nhiên mất tư cách hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Điều lệ này mà chưa có người thay thế, Hội đồng Quản trị phải có quyết định cử ngay một Phó Tổng Giám đốc điều

---

[86] Điều 46 Luật CTCTD 2024
[87] Khoản 1 Điều 46 Luật CTCTD 2024
[88] Khoản 2 Điều 46 Luật CTCTD 2024
[89] Khoản 3 Điều 46 Luật CTCTD 2024

hành hoạt động của MSB để đảm bảo MSB hoạt động ổn định, liên tục và có văn bản báo cáo NHNN (qua Cơ quan Thanh tra, Giám sát và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh). Người được cử điều hành MSB phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao trong thời gian đảm nhận nhiệm vụ này. Hội đồng Quản trị của MSB phải bổ nhiệm Tổng Giám đốc trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày khuyết Tổng Giám đốc.[90]

Điều 46. Đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và Người điều hành của MSB[91]

1. Trường hợp MSB bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, Ban Kiểm soát đặc biệt do NHNN thành lập có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng Quản trị, Trưởng ban, thành viên khác của Ban Kiểm soát, Người điều hành của MSB nếu xét thấy cần thiết.
2. Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng Quản trị, Trưởng ban, thành viên khác của Ban Kiểm soát, Người điều hành của MSB có thể bị NHNN đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ khi vi phạm quy định tại Điều 43, khoản 10 Điều 48 Luật Các tổ chức tín dụng hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao hoặc không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Luật Các tổ chức tín dụng; NHNN có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của MSB miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.
3. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này phải tham gia xử lý các tồn tại và vi phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của NHNN, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của MSB hoặc Ban Kiểm soát đặc biệt.

Điều 47. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác cho Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc[92]

1. Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác cho Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông xem xét, quyết định trên cơ sở kết quả và hiệu quả kinh doanh trong năm tài chính phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị, Tiền lương của Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của MSB theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm của MSB và phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 48. Cung cấp, công bố công khai thông tin[93]

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc phải cung cấp cho MSB các thông tin sau đây:
   a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác

[90] Khoản 3 Điều 55 Luật CTCTD 2024
[91] Điều 47 Luật CTCTD 2024
[92] Điều 163 Luật DN 2020
[93] Điều 49 Luật CTCTD 2024

mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc);

c) Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;

d) Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.

2. Cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của MSB phải cung cấp cho MSB các thông tin sau đây:

a) Họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp của Cổ đông là người nước ngoài; số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương của Cổ đông là tổ chức; ngày cấp, nơi cấp của giấy tờ này;

b) Thông tin về người có liên quan theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

c) Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình tại MSB;

d) Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan của mình tại MSB.

3. Đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải gửi MSB bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.

Đối với thông tin tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này, Cổ đông chỉ phải cung cấp thông tin cho MSB khi có mức thay đổi về tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình và người có liên quan từ 01% vốn điều lệ trở lên của MSB so với lần cung cấp liền trước.

4. MSB phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này tại Trụ sở chính của MSB và gửi báo cáo bằng văn bản cho NHNN trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày MSB nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hằng năm, MSB công bố thông tin quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 và các điểm a, c, d khoản 2 Điều này với Đại hội đồng Cổ đông của MSB.

5. MSB phải công bố công khai thông tin về họ và tên cá nhân, tên tổ chức là Cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của MSB và thông tin quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này trên trang thông tin điện tử của MSB trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày MSB nhận được thông tin cung cấp.

6. Đối tượng cung cấp, công bố công khai thông tin phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời theo hướng dẫn cụ thể của MSB tại

từng thời kỳ và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.

Điều 49. Quyền, nghĩa vụ của Người quản lý, Người điều hành của MSB[94]

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ MSB, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
2. Thực hiện các quyền, nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của MSB và Cổ đông.
3. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của MSB, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của MSB để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của MSB và Cổ đông.
4. Chịu trách nhiệm trong việc chấp hành các quy định hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng của MSB theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.
5. Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của MSB để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của MSB, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của NHNN.
6. Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của MSB.
7. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho MSB về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của MSB và chỉ được tham gia vào giao dịch đó khi được Hội đồng Quản trị chấp thuận.
8. Không được tạo điều kiện để bản thân hoặc người có liên quan của mình được cấp tín dụng, sử dụng các dịch vụ ngân hàng của MSB với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của MSB.
9. Không được tăng thù lao, lương hoặc yêu cầu trả thưởng cho Người quản lý, Người điều hành khi MSB bị lỗ.
10. Trong phạm vi quyền, nghĩa vụ được giao, có trách nhiệm thực hiện yêu cầu bằng văn bản của NHNN đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của NHNN. Thực hiện khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động, cảnh báo nguy cơ dẫn đến vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng; kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.
11. Quyền, nghĩa vụ khác theo theo quy định của pháp luật và Điều lệ này (nếu có).

Điều 50. Tránh xung đột quyền lợi

1. Việc cấp các khoản vay, bảo lãnh hoặc cấp tín dụng cho các cán bộ quản lý, điều hành và những người liên quan của họ và pháp nhân mà những người này có lợi ích tài chính phải tuân theo quy định của Pháp luật.
2. Các hợp đồng, giao dịch khác của MSB với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cổ đông lớn của MSB, người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cổ đông lớn; công ty con, công ty liên kết của MSB phải được Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ này và/hoặc các quy định khác của Pháp luật và phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin[95].

---

[94] Điều 48 Luật CTCTD 2024

[95] Khoản 3 Điều 291 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP

3. Trường hợp các hợp đồng, giao dịch khác nêu tại khoản 2 Điều này được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị thông qua thì hợp đồng, giao dịch khác đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho MSB phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho MSB các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch khác đó.
4. Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát trong các trường hợp sau:
   a) Các giao dịch giữa MSB với công ty trong đó các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
   b) Các giao dịch giữa MSB với công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) hoặc cổ đông lớn[96].
5. Khi tiến hành hợp đồng, giao dịch khác với người có liên quan, MSB phải đảm bảo các giao dịch này được thực hiện trên nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. MSB áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác của MSB, Cổ đông và những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của MSB, gây tổn hại cho lợi ích của MSB thông qua việc kiểm soát các hợp đồng, giao dịch khác, mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của MSB. MSB áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa Cổ đông và những người có liên quan tiến hành các hợp đồng, giao dịch khác làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của MSB, tuân thủ các quy định về giao dịch với Cổ đông, Người quản lý MSB và người có liên quan của các đối tượng này; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến MSB[97].
6. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của MSB hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.[98]
7. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.[99]

Điều 51. Trách nhiệm và bồi thường

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa

---

[96] Điều 299 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP
[97] Điểm b khoản 6 Điều 41 Luật Chứng khoán 2019, Điều 292 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP
[98] Khoản 5 Điều 291 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP
[99] Khoản 2 Điều 291 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP

vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra[100].

CHƯƠNG IX
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 52. Hội đồng Quản trị và cơ cấu Hội đồng Quản trị[101]

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị của MSB, có toàn quyền nhân danh MSB để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của MSB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị phải có tối thiểu 05 thành viên và không quá 11 thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Hội đồng Quản trị phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là Người điều hành của MSB.
3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một Cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng Quản trị, nhưng không được vượt quá 02 thành viên Hội đồng Quản trị của MSB, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc. Trường hợp Hội đồng quản trị có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu thì trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, MSB phải bầu bổ sung, đảm bảo số thành viên Hội đồng Quản trị tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 Luật Các tổ chức tín dụng.
4. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế, trừ trường hợp Pháp luật có quy định khác. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
5. Hội đồng Quản trị có quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
6. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và đương nhiên mất tư cách của Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng Quản trị phải được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
7. Hội đồng Quản trị sử dụng con dấu của MSB để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
8. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
9. Hội đồng Quản trị có bộ phận giúp việc. Chức năng, nhiệm vụ của bộ phận giúp việc do Hội đồng Quản trị quy định.

---

[100] Khoản 1 Điều 48 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng, Thông tư số 116/2020/TT-BTC

[101] Điều 50, Điều 69 Luật CTCTD 2024. Hội đồng quản trị được bầu trước ngày 01/7/2024 được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị dù không đáp ứng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 52 Điều lệ này (khoản 8 Điều 210 Luật CTCTD 2024)

10. Hội đồng Quản trị phải thành lập các Uỷ ban để giúp Hội đồng Quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Uỷ ban Quản lý Rủi ro và Uỷ ban Nhân sự. Hội đồng Quản trị quyết định nhiệm vụ, quyền hạn của hai Uỷ ban này theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
11. Hội đồng Quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị MSB. Người phụ trách quản trị MSB có thể kiêm nhiệm làm Thư ký theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

Điều 53. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị[102]

1. Trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định, thông qua nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng Cổ đông.
2. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của MSB.
3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị MSB và Người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của MSB.
4. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của MSB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của MSB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
5. Cử người đại diện phần vốn góp của MSB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.
6. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của MSB mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% Vốn điều lệ trở lên của MSB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
7. Quyết định khoản cấp tín dụng thuộc thẩm quyền theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, trừ các hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
8. Phê duyệt chủ trương cung cấp sản phẩm mới, hoạt động trong thị trường mới trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc[103].
9. Phê duyệt kế hoạch vốn theo đề nghị của Tổng Giám đốc.
10. Phê duyệt Phương án cơ cấu lại MSB gắn liền với xử lý nợ xấu theo yêu cầu của NHNN và phê duyệt/thông qua các văn bản khác (nếu có) theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại từng thời kỳ;
11. Phê duyệt danh sách các khoản nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro cụ thể (tên khách hàng, số tiền và thời điểm xuất toán) trên cơ sở phù hợp với quy định của Pháp luật và nội bộ MSB nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền tại Đại hội.
12. Thông qua các hợp đồng, giao dịch khác của MSB với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cổ đông lớn của MSB, người có liên quan của họ;

[102] Điều 70 Luật CTCTD 2024 và Khoản 2, Khoản 3 Điều 278 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP
[103] Tiết (i) Điểm b Khoản 1 Điều 21 Thông tư số 83/2025/TT-NHNN

công ty con, công ty liên kết của MSB có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của MSB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.

13. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của MSB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
14. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; định kỳ hằng năm đánh giá về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc.
15. Ban hành Quy chế quản lý tài chính, các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị, hoạt động của MSB, phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông, Ban Kiểm soát, bao gồm thẩm quyền quyết định mức bồi thường thiệt hại, tổn thất phát sinh trong quá trình kinh doanh và xử lý rủi ro. Hội đồng quản trị có thể phân cấp thẩm quyền ban hành các quy định nội bộ cho các cấp có thẩm quyền khác của MSB.
16. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của MSB.
17. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên, báo cáo hằng năm về kết quả tự kiểm tra, đánh giá hoạt động kiểm soát [104].
18. Ban hành chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp (trừ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp đối với thành viên Ban Kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ) [105] .
19. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.
20. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của MSB.
21. Quyết định mua lại cổ phần của MSB theo phương án được duyệt.
22. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trảhoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.
23. Quyết định về việc phát hành trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền của MSB, bao gồm nhưng không giới hạn: quyết định phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ, phương án phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, phương án phát hành trái phiếu ra công chúng, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng, thông qua việc niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch trái phiếu,...
24. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông, trừ nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.
25. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng Cổ đông; triệu tập Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
26. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quyết định của Đại hội đồng Cổ

[104] Điểm a Khoản 2 và Điểm a Khoản 4 Điều 9 Thông tư số 83/2025/TT-NHNN

[105] Điểm đ Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 83/2025/TT-NHNN

đông và Hội đồng Quản trị.

27. Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.
28. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến MSB.
29. Đảm bảo hoạt động của MSB tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của MSB.
30. Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân công thường xuyên và/hoặc theo vụ việc của Đại hội đồng Cổ đông và quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 54. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị[106]

1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
2. Triệu tập và làm chủ toạ cuộc họp Hội đồng Quản trị.
3. Thay mặt Hội đồng Quản trị ký văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
4. Tổ chức việc thông qua Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị.
5. Giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.
6. Làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
7. Đảm bảo thành viên Hội đồng Quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng Quản trị phải xem xét.
8. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng Quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
9. Giám sát thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được phân công.
10. Định kỳ hàng năm đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng Quản trị, các Uỷ ban của Hội đồng Quản trị và báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả đánh giá này.
11. Trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị chỉ được uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác của Hội đồng Quản trị để thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
12. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 55. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị[107]

1. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng Quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của MSB và Cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
2. Xem xét báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến

[106] Điều 71 Luật CTCTD 2024
[107] Điều 72 Luật CTCTD 2024; Điều 277 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

hoặc yêu cầu Người điều hành của MSB, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ vấn đề có liên quan đến báo cáo.

3. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị bất thường.
4. Tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, thảo luận và biểu quyết về nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng Cổ đông và trước Hội đồng Quản trị về quyết định của mình. Trường hợp nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích với thành viên Hội đồng Quản trị nào thì thành viên Hội đồng Quản trị đó không được tham gia biểu quyết.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị để quyết định nội dung quy định tại các khoản 1, 3, 4, 6, 7, 12, 13, 15, 16,17 và 21 Điều 53 Điều lệ này.
6. Thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị.
7. Giải trình trước Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.
8. Có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của MSB và của các đơn vị trong MSB.
9. Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng Quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của MSB (nếu có).
10. Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của MSB theo quy định của pháp luật.
11. Từng thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị[108].
12. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 56. Họp Hội đồng Quản trị[109]

1. Trường hợp Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập và chủ trị cuộc họp Hội đồng Quản trị.
2. Hội đồng Quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng Quản trị có thể họp tại trụ sở chính của MSB hoặc ở nơi khác.
   a) Cuộc họp định kỳ của Hội đồng Quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần kể cả dưới hình thức họp trực tuyến hoặc các hình thức khác mà pháp luật cho phép.

---

[108] Khoản 3 Điều 227 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP

[109] Điều 157 Luật DN 2020 và Khoản 2 Điều 277 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP

b) Cuộc họp bất thường của Hội đồng Quản trị do Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch ủy quyền triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết.

c) Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

i. Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;

ii. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác;

iii. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng Quản trị.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

3. Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được một trong các đề nghị theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này. Trường hợp Chủ tịch hoặc người được ủy quyền không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với MSB, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người đề nghị họp Hội đồng Quản trị có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị dự họp bỏ phiếu bầu chủ tọa cuộc họp.

4. MSB có quyền ban hành quy định nội bộ của Hội đồng Quản trị về các trường hợp họp khẩn cấp, thời hạn thông báo và hình thức thông báo mời họp Hội đồng Quản trị trong trường hợp cần họp khẩn cấp.

5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp, trừ trường hợp họp khẩn cấp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, fax, email hoặc phương thức điện tử, phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại MSB.

6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch ủy quyền triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng Quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác

theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị. Việc ủy quyền dự họp được Hội đồng Quản trị hướng dẫn cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị.

8. Biểu quyết:
   a) Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
   b) Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người có liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của MSB;
9. Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu tán thành, bao gồm cả biểu quyết theo ủy quyền; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng Quản trị ủy quyền chủ tọa cuộc họp.
10. Quyết định của Hội đồng Quản trị có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong văn bản liên quan.
11. Trường hợp quyết định do Hội đồng Quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Điều lệ này gây thiệt hại cho MSB thì các thành viên Hội đồng Quản trị tán thành thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho MSB; thành viên Hội đồng Quản trị phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, Cổ đông của MSB có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ quyết định nói trên[110].
12. Hội đồng Quản trị được quyền tổ chức các cuộc họp dưới các hình thức khác theo quy định của pháp luật hiện hành với điều kiện các hình thức này phải được quy định cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị.

Điều 57. Biên bản họp Hội đồng Quản trị[111]

1. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị phải được ghi thành biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
   b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
   c) Thời gian, địa điểm họp;
   d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
   e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
   f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

[110] Khoản 4 Điều 153 Luật DN 2020
[111] Điều 158 Luật DN 2020

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua;

i) Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp.

2. Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h Khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với MSB do từ chối ký biên bản họp theo quy định của pháp luật, Điều lệ MSB và pháp luật có liên quan.

3. Chủ toạ, người ghi biên bản và những người ký tên trên biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.

4. Trường hợp thành viên trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; nếu không ghi rõ lý do thì biểu quyết của thành viên đó đối với những nội dung tại cuộc họp coi như không có giá trị.

5. Biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.

6. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của MSB.

Điều 58. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản[112]

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch Hội đồng Quản trị ủy quyền quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản.

2. Thư ký Hội đồng Quản trị chuẩn bị Phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của MSB;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên của thành viên Hội đồng Quản trị;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến;

e) Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f) Thời hạn gửi Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về MSB;

g) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch Hội đồng Quản trị ủy quyền.

---

[112] Khoản 3 Điều 153 Luật DN 2020

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng Quản trị và gửi về MSB theo quy định của MSB. Việc ủy quyền lấy ý kiến bằng văn bản được Hội đồng Quản trị hướng dẫn cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động.
5. Thư ký Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của MSB;
   b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;
   c) Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên Hội đồng Quản trị đã tham gia biểu quyết;
   d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;
   e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch Hội đồng Quản trị ủy quyền, Thư ký.
6. Thư ký Hội đồng Quản trị tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản và Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch Hội đồng Quản trị ủy quyền phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo Phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của MSB.
8. Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu đạt được đa số phiếu tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch Hội đồng Quản trị ủy quyền quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản.
9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.
10. Ngoài các trường hợp lấy ý kiến như trên, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền, việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị có thể thông qua phần mềm quản lý văn bản nội bộ hoặc phương thức điện tử khác.

CHƯƠNG X
TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 59. Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc[113]

[113] Điều 162 Luật DN 2020; Điều 55 Luật CTCTD 2024

1. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của MSB, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ này. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một trong số các thành viên của mình làm Tổng Giám đốc hoặc thuê Tổng Giám đốc và sẽ ký một hợp đồng lao động có thời hạn quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Tổng Giám đốc phù hợp với Bộ luật lao động, quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan. Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý của MSB, thành viên Ban Kiểm soát của MSB, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại MSB theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định nhưng không quá 05 năm. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Giúp việc Tổng Giám đốc có một số Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các thành viên Hội đồng Điều hành và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ.
4. Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của MSB theo sự phân công của Tổng Giám đốc.
5. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của MSB, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 60. Quyền, nghĩa vụ của Tổng Giám đốc[114]

1. Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.
2. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của MSB.
3. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.
4. Lập và trình Hội đồng Quản trị thông qua hoặc để báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.
5. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin quản lý.
6. Báo cáo Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng Cổ đông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của MSB.
7. Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó, kịp thời báo cáo Hội đồng Quản trị.
8. Đề xuất kế hoạch cung cấp sản phẩm mới, hoạt động trong thị trường mới trình Hội đồng Quản trị phê duyệt.
9. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức quản lý của MSB trình Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông quyết định theo thẩm quyền.
10. Đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường.

[114] Điều 56 Luật CTCTD 2024; Điều 162 Luật DN 2020

11. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh quản lý, điều hành của MSB, trừ chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.
12. Ký kết hoặc ủy quyền ký kết hợp đồng, giao dịch khác nhân danh MSB theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của MSB.
13. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của MSB.
14. Tuyển dụng lao động; quyết định lương và phụ cấp (nếu có) của người lao động theo thẩm quyền.
15. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng Quản trị.

CHƯƠNG XI
BAN KIỂM SOÁT

Điều 61. Ban Kiểm soát và cơ cấu Ban Kiểm soát[115]

1. Ban Kiểm soát của MSB có tối thiểu 05 thành viên.
2. Ban Kiểm soát có bộ phận kiểm toán nội bộ, bộ phận giúp việc để thực hiện nhiệm vụ của mình.
3. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
4. Trường hợp Ban Kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của Điều lệ này thì trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, MSB phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên Ban Kiểm soát tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 Luật Các tổ chức tín dụng.
5. Ban Kiểm soát phải họp tối thiểu 02 (hai) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban Kiểm soát trở lên dự họp. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ[116].

Điều 62. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát[117]

1. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành MSB trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Ban hành Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành

[115] Điều 51 Luật CTCTD 2024
[116] Điều 289 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP
[117] Điều 52 Luật CTCTD 2024

viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, quy định nội bộ của MSB về kế toán, báo cáo.

3. Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành MSB, có quyền sử dụng các nguồn lực của MSB để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.
4. Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hằng năm của MSB; báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính; đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng Cổ đông.
5. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của MSB thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.
6. Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII của Luật Các tổ chức tín dụng về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.
7. Kiểm tra sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của MSB khi xét thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây:
   a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
   b) Theo yêu cầu của NHNN hoặc của Cổ đông lớn hoặc nhóm Cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Việc kiểm tra được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.
8. Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị khi phát hiện Người quản lý, Người điều hành của MSB có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của MSB, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).
9. Lập danh sách cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên, người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của MSB, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.
10. Đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ MSB và quy định của pháp luật.
11. Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng Quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật hoặc có quyết định vượt quá thẩm quyền được giao hoặc trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

12. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.
13. Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 6, 8 và 11 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của pháp luật.
14. Ban hành, sửa đổi, bổ sung kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm.
15. Phê duyệt báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ, báo cáo hàng năm về kiểm toán nội bộ gửi Ngân hàng Nhà nước, báo cáo đột xuất về kiểm toán nội bộ và các báo cáo khác theo quy định (nếu có).
16. Thực hiện giám sát của quản lý cấp cao đối với bộ phận kiểm toán nội bộ trong việc thực hiện quy định về quyền hạn và trách nhiệm của bộ phận kiểm toán nội bộ và kiểm toán viên nội bộ.
17. Giám sát, đánh giá việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ.
18. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 63. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát[118]

1. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát quy định tại Điều 62 Điều lệ này và chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
2. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát.
3. Thay mặt Ban Kiểm soát ký văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát.
4. Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường hoặc đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường theo quy định tại Điều lệ này.
5. Tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.
6. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị nếu ý kiến đó khác với quyết định của Hội đồng Quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông.
7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc của Ban Kiểm soát và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban Kiểm soát.
8. Bảo đảm thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét.
9. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát.
10. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.
11. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này (nếu có).

Điều 64. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát[119]

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ này, quy định nội bộ của Ban Kiểm soát và thực hiện nhiệm vụ

[118] Điều 53 Luật CTCTD 2024
[119] Điều 54 Luật CTCTD 2024

theo phân công của Trưởng Ban Kiểm soát để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của MSB và Cổ đông; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

2. Bầu một thành viên Ban Kiểm soát làm Trưởng Ban Kiểm soát.
3. Yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập Ban Kiểm soát họp bất thường.
4. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.
5. Yêu cầu Người quản lý báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành MSB.
6. Yêu cầu Người quản lý, Người điều hành, nhân viên của MSB cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
7. Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường của MSB và chịu trách nhiệm về đánh giá, kết luận của mình.
8. Tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.
9. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này (nếu có).

Điều 65. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát[120]

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.
2. Các nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị phải được gửi đến cho các thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị.
3. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do MSB phát hành được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.
4. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của MSB lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi Người quản lý và nhân viên của MSB làm việc trong giờ làm việc.
5. Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác của MSB phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của MSB theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG XII

HỆ THỐNG KIỂM TOÁN, KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Điều 66. Bộ phận kiểm toán nội bộ[121]

---

[120] Điều 171 Luật DN 2020

[121] Điều 58 Luật CTCTD 2024

1. Kiểm toán nội bộ của MSB thuộc Ban Kiểm soát, thực hiện kiểm toán nội bộ MSB.
2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ của MSB; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm MSB hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.
3. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo Ban Kiểm soát và gửi Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc MSB.

Điều 67. Hệ thống kiểm soát nội bộ[122]

1. Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của MSB và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro.:
2. MSB xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để bảo đảm các yêu cầu sau đây:
   a) Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;
   b) Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;
   c) Tuân thủ pháp luật và các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ.
3. MSB phải thuê tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá một phần hoặc toàn bộ hệ thống kiểm soát nội bộ trong trường hợp Ngân hàng Nhà nước yêu cầu khi xét thấy cần thiết.
4. MSB xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ và triển khai ứng dụng công nghệ trong hoạt động kiểm soát nội bộ theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

CHƯƠNG XIII
TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, BÁO CÁO, THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT

Điều 68. Chế độ tài chính[123]

Chế độ tài chính của MSB được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 69. Năm tài chính[124]

Năm tài chính của MSB bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm dương lịch.

Điều 70. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán MSB sử dụng là Hệ thống Kế toán được Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước chấp thuận và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.
2. MSB lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. MSB sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà MSB tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của MSB.
3. MSB sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

---

[122] Điều 57 Luật CTCTD 2024

[123] Khoản 2 Điều 151 Luật CTCTD 2024

[124] Khoản 1 Điều 149 Luật CTCTD 2024

Điều 71. Báo cáo[125]

1. MSB phải thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê, điều tra thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc của MSB chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này.
2. Ngoài báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này, MSB có trách nhiệm báo cáo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước trong các trường hợp sau:
   a) Phát sinh diễn biến bất thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của MSB;
   b) Thay đổi về tổ chức, quản trị, điều hành, tình hình tài chính của Cổ đông lớn và thay đổi khác có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của MSB; mua, bán, chuyển nhượng cổ phần của Cổ đông lớn;
   c) Thay đổi tên chi nhánh của MSB; tạm ngừng giao dịch dưới 05 ngày làm việc; niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trong nước.
3. Công ty con, công ty liên kết của MSB có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động cho Ngân hàng Nhà nước khi được yêu cầu.
4. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, MSB phải gửi báo cáo hằng năm cho Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật.
5. Trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, ngoài báo cáo và tài liệu theo quy định của pháp luật, MSB là công ty kiểm soát phải lập và gửi cho Ngân hàng Nhà nước báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán.
6. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, MSB là công ty kiểm soát phải lập và gửi cho Ngân hàng Nhà nước báo cáo tổng hợp về giao dịch mua, bán, giao dịch khác giữa MSB với công ty con, công ty liên kết của MSB.

Điều 72. Công khai báo cáo tài chính[126]

Trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, MSB phải công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp MSB đang được kiểm soát đặc biệt.

Điều 73. Cung cấp thông tin [127]

1. MSB phải cung cấp cho chủ tài khoản thông tin về giao dịch và số dư trên tài khoản của chủ tài khoản tại MSB theo thỏa thuận với chủ tài khoản.
2. MSB được trao đổi với các tổ chức tín dụng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài các thông tin về hoạt động của nhau.
3. MSB có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh và được Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin của khách hàng có quan hệ tín dụng với MSB theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
4. MSB có trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin khác theo quy định của Pháp luật.

---

[125] Điều 152 và Điều 153 Luật CTCTD 2024
[126] Điều 154 Luật CTCTD 2024
[127] Điều 12 Luật CTCTD 2024

Điều 74. Bảo mật thông tin[128]

1. Người quản lý, Người điều hành, nhân viên của MSB không được tiết lộ thông tin khách hàng, bí mật kinh doanh của MSB.
2. MSB phải bảo đảm bí mật thông tin khách hàng của MSB theo quy định của pháp luật.
3. MSB không được cung cấp thông tin khách hàng của MSB cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

CHƯƠNG XIV
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

Điều 75. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ[129]

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
   a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
   b) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch khác phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của MSB.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của Cổ đông và nhóm Cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ đông và nhóm Cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này
3. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của MSB, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của MSB vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật
4. MSB phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ này được công bố trên website của MSB.

---

[128] Điều 13 Luật CTCTD 2024

[129] Điều 49 Điều lệ mẫu áp dụng với công ty đại chúng ban hành theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC

CHƯƠNG XV
NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 76. Người lao động và công đoàn

Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho nghỉ việc, lao động, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của MSB với tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của MSB và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVI
PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 77. Trả cổ tức[130]

1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của MSB. MSB chỉ được trả cổ tức cho Cổ đông khi MSB đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ MSB và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ MSB; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, MSB vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
2. Theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng Quản trị đề xuất sau khi đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
3. Sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, Hội đồng Quản trị có thể tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của MSB và quy định pháp luật từng thời kỳ.
4. Hội đồng Quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, MSB sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông thụ hưởng và trường hợp thể có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông) thì Cổ đông đó phải chịu.
6. Cổ tức được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi MSB đã có đủ chi tiết về ngân hàng của Cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của Cổ đông. Nếu MSB đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông

[130] Điều 135 Luật DN 2020

báo của Cổ đông thì MSB không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.

7. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức. MSB phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức theo quy định của pháp luật.
8. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng Quản trị có thể thông qua quyết định quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của MSB. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.
9. Hội đồng Quản trị phải lập danh sách Cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong Sổ đăng ký Cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên, địa chỉ trụ sở chính của MSB; họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của Cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà Cổ đông đó được nhận; thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của MSB.
10. Trường hợp Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ MSB.
11. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua thành viên lưu ký hoặc Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam theo quy định pháp luật chứng khoán.

Điều 78. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XVII
KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Điều 79. Kiểm toán độc lập[131]

1. Trước khi kết thúc năm tài chính, MSB phải lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập đáp ứng yêu cầu theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước để kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo.
2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, MSB phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn.

CHƯƠNG XVIII
CON DẤU

Điều 80. Con dấu

1. Hội đồng Quản trị sẽ quyết định loại, số lượng, nội dung và hình thức con dấu của MSB, bao gồm cả con dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm ban hành quy định quản lý và sử dụng con dấu phù hợp với quy định của Pháp luật.
2. Người đại diện theo pháp luật của MSB chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng con dấu của MSB theo đúng quy định của pháp luật hiên hành.

CHƯƠNG XIX
TỔ CHỨC LẠI, PHÁ SẢN, GIẢI THỂ THANH LÝ

Điều 81. Tổ chức lại ngân hàng[132]

MSB được tổ chức lại dưới hình thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

Điều 82. Phá sản ngân hàng [133]

1. Sau khi Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc không áp dụng biện pháp phục hồi khả năng thanh toán hoặc chấm dứt áp dụng biện pháp phục hồi khả năng thanh toán mà MSB vẫn mất khả năng thanh toán, thì MSB phải nộp đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.
2. Việc phá sản MSB được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

Điều 83. Trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động ngân hàng[134]

1. MSB không đề nghị gia hạn hoặc đề nghị gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản khi hết thời hạn hoạt động.

---

[131] Điều 59 Luật CTCTD 2024
[132] Điều 201 Luật CTCTD 2024
[133] Khoản 1 Điều 203 Luật CTCTD 2024
[134] Điều 202 Luật CTCTD 2014

2. MSB bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động.
3. MSB tự nguyện giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.
4. MSB được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt có tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ.

Điều 84. Thanh lý tài sản của ngân hàng[135]

1. Trong trường hợp ngân hàng bị tuyên bố phá sản, việc thanh lý MSB được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.
2. Khi giải thể, chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 83 Điều lệ này, MSB phải tiến hành thanh lý dưới sự giám sát của NHNN và theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định.
3. Mọi chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản do MSB ưu tiên thanh toán.

CHƯƠNG XX
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 85. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của MSB hay tới quyền của các Cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
   a) Cổ đông với MSB; hoặc
   b) Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc hay chức danh quản lý khác theo quy định của MSB.

   Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong thời hạn 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Toà án.
3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Trọng tài, Toà án sẽ do Trọng tài, Toà án phán quyết bên nào phải chịu.

[135] Điều 203 và Điều 204 Luật CTCTD 2024

CHƯƠNG XXI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 86. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng Cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của MSB chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của MSB.

Điều 87. Điều khoản thi hành

1. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày .... tháng .... năm .....
2. Điều lệ được nộp cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và được lưu trữ tại Trụ sở chính MSB.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM
TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HOÀNG LINH

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU 2
Điều 1. Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ 2
Điều 2. Áp dụng dẫn chiếu 5
Điều 3. Tên, địa chỉ và thời hạn hoạt động 5
Điều 4. Mục tiêu hoạt động 6
Điều 5. Nội dung hoạt động 7
Điều 6. Góp vốn, mua cổ phần, chuyển nhượng vốn 8
Điều 7. Bảo đảm an toàn trong hoạt động 9
Điều 8. Vốn điều lệ của MSB 9
Điều 9. Thay đổi Vốn điều lệ 10
Điều 10. Bảo đảm an toàn vốn 10
Điều 11. Các loại cổ phần 11
Điều 12. Tỷ lệ sở hữu cổ phần 11
Điều 13. Cổ phiếu 11
Điều 14. Chào bán cổ phần 12
Điều 15. Chuyển nhượng cổ phần 12
Điều 16. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông 13
Điều 17. Mua lại cổ phần theo quyết định của MSB 13
Điều 18. Điều kiện mua lại cổ phần của cổ đông 14
Điều 19. Phát hành trái phiếu 14
Điều 20. Cơ cấu tổ chức quản lý 14
Điều 21. Sổ đăng ký Cổ đông và xác lập danh sách Cổ đông 15
Điều 22. Quyền của Cổ đông 16
Điều 23. Nghĩa vụ của Cổ đông phổ thông MSB 18
Điều 24. Đại hội đồng Cổ đông 19
Điều 25. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông 21
Điều 26. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông 22
Điều 27. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng Cổ đông 23
Điều 28. Mời họp Đại hội đồng Cổ đông 23
Điều 29. Quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông 24
Điều 30. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông 24
Điều 31. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông 25
Điều 32. Thể thức biểu quyết thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông 27
Điều 33. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông 28
Điều 34. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông 30
Điều 35. Hiệu lực nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông 31
Điều 36. Yêu cầu hủy bỏ các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông 31

Điều 37. Nhiệm vụ và quyền hạn chung 32
Điều 38. Thủ tục bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc 32
Điều 39. Những người không được tham gia quản trị, kiểm soát và không được giữ chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và chức danh tương đương 33
Điều 40. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ 35
Điều 41. Tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu, bổ nhiệm 36
Điều 42. **Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị** 37
Điều 43. Những trường hợp đương nhiên mất tư cách 38
Điều 44. Miễn nhiệm, bãi nhiệm 39
Điều 45. Xử lý trong trường hợp bị khuyết Tổng Giám đốc 39
Điều 46. Đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và Người điều hành của MSB 40
Điều 47. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác cho Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc 40
Điều 48. Cung cấp, công bố công khai thông tin 40
Điều 49. Quyền, nghĩa vụ của Người quản lý, Người điều hành của MSB 42
Điều 50. Tránh xung đột quyền lợi 42
Điều 51. Trách nhiệm và bồi thường 43
Điều 52. Hội đồng Quản trị và cơ cấu Hội đồng Quản trị 44
Điều 53. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị 45
Điều 54. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị 47
Điều 55. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị 47
Điều 56. Họp Hội đồng Quản trị 48
Điều 57. Biên bản họp Hội đồng Quản trị 50
Điều 58. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản 51
Điều 59. Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc 52
Điều 60. Quyền, nghĩa vụ của Tổng Giám đốc 53
Điều 61. Ban Kiểm soát và cơ cấu Ban Kiểm soát 54
Điều 62. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát 54
Điều 63. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát 56
Điều 64. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát 56
Điều 65. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát 57
Điều 66. Bộ phận kiểm toán nội bộ 57
Điều 67. Hệ thống kiểm soát nội bộ 58
Điều 68. Chế độ tài chính 58
Điều 69. Năm tài chính 58
Điều 70. Hệ thống kế toán 58
Điều 71. Báo cáo 59

Điều 72. Công khai báo cáo tài chính 59
Điều 73. Cung cấp thông tin 59
Điều 74. Bảo mật thông tin 60
Điều 75. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ 60
Điều 76. Người lao động và công đoàn 61
Điều 77. Trả cổ tức 61
Điều 78. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận 62
Điều 79. Kiểm toán độc lập 63
Điều 80. Con dấu 63
Điều 81. Tổ chức lại ngân hàng 63
Điều 82. Phá sản ngân hàng 63
Điều 83. Trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động ngân hàng 63
Điều 84. Thanh lý tài sản của ngân hàng 64
Điều 85. Giải quyết tranh chấp nội bộ 64
Điều 86. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ 65
Điều 87. Điều khoản thi hành 65